

ÁP DỤNG MÔ HÌNH BLENDED LEARNING TRONG DẠY HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Trịnh Ngọc Linh
QH23, Trường Đại học Giáo dục- ĐHQGHN
Lê Thanh Huyền
Giảng viên trường Đại học Giáo dục- ĐHQGHN

Tóm tắt: Sự phát triển mạnh mẽ của thời đại công nghệ 4.0 đã và đang tác động tới mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội của con người. Nó tác động mạnh mẽ lên giáo dục, tạo điều kiện cho các sự phát triển, đổi mới các hình thức giảng dạy. Blended Learning (BL), hay còn gọi là học tập kết hợp, là phương pháp giáo dục kết hợp giữa hình thức học tập truyền thống trong lớp học với các hoạt động học tập trực tuyến. Mô hình này đang ngày càng phổ biến trong giáo dục hiện đại bởi những ưu điểm vượt trội. Bài báo này sẽ trình bày về những lợi ích đối với nền giáo dục hiện đại khi áp dụng BL vào việc học tại một số trường Đại học (ĐH) tại Việt Nam. Bài báo cũng phân tích rõ một trường hợp cụ thể đã ứng dụng thành công BL tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

Từ khóa: BL, phương pháp giáo dục kết hợp, lợi ích, giáo dục, vào việc học.

THE BENEFITS OF APPLYING THE BL MODEL TO STUDYING AT VNU

Trinh Ngoc Linh
QH23, University of Education, VNU, HaNoi
Le Thanh Huyen
Lecturer, University of Education, VNU, HaNoi

Abstract: The strong development of the 4.0 technology era has been affecting all areas of human social life. It has a strong impact on education, creating conditions for the development and innovation of teaching forms. Blended Learning (BL)... also known as BL, is an educational method that combines traditional classroom learning with online learning activities. This model is increasingly popular in modern education because of its outstanding advantages. This article will present the benefits to modern education when applying BL to learning at some universities in Vietnam.

Keywords: BL, educational method that combines, benefits, education, to learning.

Nhận bài: 8/6/2024

Phản biện:

20/6/2024

Duyệt đăng: 23/6/2024

ĐẶT VẤN ĐỀ:

Cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang bùng nổ đã đánh dấu nhiều bước tiến phát triển vượt bậc về khoa học công nghệ. Tuy nhiên, cuộc cách mạng này cũng đã và đang đặt ra thêm nhiều yêu cầu mới và cao hơn cho nguồn nhân lực trong tương lai. Điều này đang đòi hỏi nền giáo dục Việt Nam cần có những nhận thức về vị thế, vai trò và tầm quan trọng của mình để đáp ứng. Nhờ có internet mà một hình thức học mới được ra đời là E-learning. Trong số những hình thức của E-Learning, BL là sự kết hợp giữa hình thức lớp học trực tiếp và lớp học trực tuyến, do đó thường được hiểu là một dạng dạy học hỗn hợp. Hình thức này có thể mạnh trong việc tạo ra môi trường học tập tương tác, tích cực và chủ động của người học [5]. Mô hình BL với cách tiếp cận đồng thời cả hai hình thức giảng dạy trực tuyến và giảng dạy trực tiếp là giải pháp ưu việt, hạn chế được hầu hết các nhược

điểm và phát huy thế mạnh của cả hai hình thức giảng dạy trên. BL là sự kết hợp giữa phương thức học tập truyền thống với việc tích hợp ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo nhằm nâng cao tính chủ động trong việc lĩnh hội kiến thức của người học cũng như tiết kiệm chi phí, hạn chế được những nhược điểm về khoảng cách địa lý giữa giảng viên và sinh viên.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Mô hình BL và những khả năng ứng dụng

Mô hình BL là một nhánh của mô hình học trực tuyến. Có rất nhiều cách hiểu về “BL”. Theo Cambridge dictionary, “BL là một cách học kết hợp các bài học trên lớp truyền thống với các bài học sử dụng công nghệ máy tính và có thể được giảng dạy qua internet”. Trong giáo dục “BL” được định nghĩa là: “một cách học tập một chủ đề được kết hợp giữa việc dạy trên lớp với việc sử dụng các công nghệ khác nhau, bao gồm cả việc

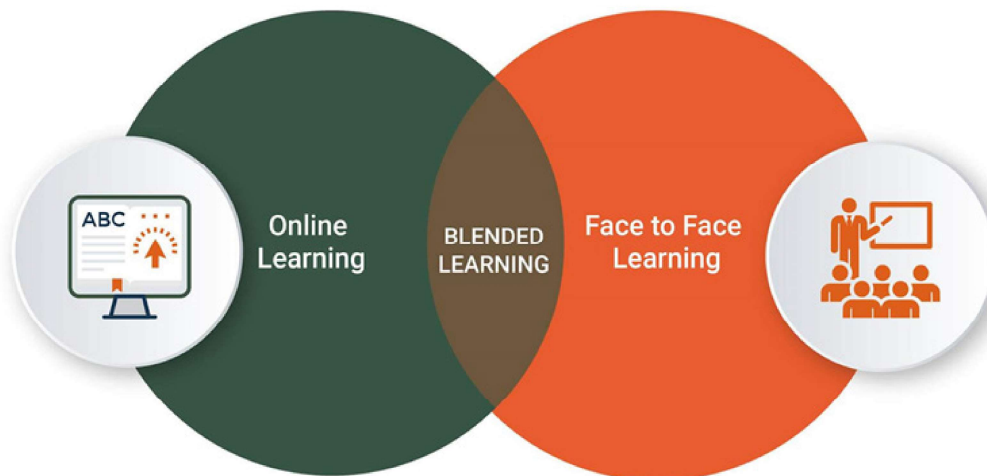
học trên internet.[2].

Theo Alvarez (2005) thì BL là sự kết hợp của các phương tiện truyền thông trong đào tạo như công nghệ, các hoạt động và các loại sự kiện nhằm tạo ra một chương trình đào tạo tối ưu cho một đối tượng cụ thể [3]. Theo Victoria L. Tinio (2003), BL là khái niệm để chỉ các mô hình học kết hợp giữa hình thức lớp học truyền thống và các giải pháp E-Learning. [4] Việc phối hợp giữa học tập trực tiếp (Face to Face) và trực tuyến (Online Learning) diễn ra linh hoạt tùy vào mục đích và điều kiện thực tế của từng khóa học để triển khai. Nếu nội dung cần có sự giao tiếp, tranh luận, giải thích hay làm mẫu thì cần bố trí vào các hoạt động học tập tại lớp. Đối với nội dung cần phải tự học trong thời lượng nhiều, phát triển tính tự giác của người học, đào tạo số lượng đông thì tổ chức qua các hệ thống học tập trực tuyến là phù hợp. Như vậy, trong BL hình thức học trực tuyến và trực tiếp được tích hợp chặt chẽ, không phải là sự cộng gộp một cách áp đặt, cơ học. [6]

Theo tác giả Phạm Thị Thu Huyền, “Mô hình

BL là sự kết hợp giữa mô hình học dạy học truyền thống và mô hình dạy học trực tuyến theo một tỷ lệ nhất định, tỷ lệ này có thể tăng giảm tùy thuộc vào mức độ áp dụng. Mức độ 1: Người dạy sử dụng hình thức chính là học tập truyền thống khi giảng dạy, tuy nhiên có cung cấp thêm các tài liệu trực tuyến để người học tra cứu thông qua Internet. Mức độ 2: Người dạy thiết kế xen kẽ các bài giảng trực tuyến bên cạnh các bài giảng theo phương thức truyền thống để giúp người học làm quen dần với hình thức học tập trực tuyến. Mức độ 3: Bên cạnh việc thiết kế xen kẽ các bài giảng trực tuyến như mức độ 2, ở mức độ 3 người học sẽ được kiểm tra và đánh giá bằng hình thức trực tuyến” [8].

Từ những quan niệm nêu trên, hoạt động học tập được diễn ra ở các không gian khác nhau như ở nhà hay trên trường học, trên không gian mạng internet. Hiệu quả và năng suất học tập của sinh viên phụ thuộc vào hiệu quả trong học tập ở từng không gian như trên. Ta có thể hình dung mô hình BL qua hình 1.1 dưới đây:



Hình 1.1. Mô hình BL (Nguồn: timviec365.vn)

2.2. Khả năng ứng dụng của mô hình BL

BL đang trở thành một xu hướng học tập quan trọng trong lĩnh vực giáo dục hiện nay. Khả năng ứng dụng của mô hình này không chỉ giới hạn trong môi trường học thuật mà còn mở ra nhiều cơ hội cho việc học tập và phát triển kỹ năng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. BL cũng thân thiện và phù hợp với người học trong thế kỷ XXI, đặc biệt là thế hệ trẻ gen Z, những người sinh sau những năm 2000. Xem internet đã trở thành một điều tất

yếu trong đời sống của họ, sử dụng Internet để giải trí, học tập và kết nối với thế giới xung quanh. Do vậy, BL xuất hiện dễ được đón nhận, đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên.

Vậy câu hỏi được đặt ra là: Tại Việt Nam có thể ứng dụng mô hình BL trong việc giảng dạy hay không? Và câu trả lời là có bởi:

-Thứ nhất, hạ tầng Internet tại Việt Nam ngày nay đang trở nên ngày càng ấn tượng và có những cải thiện đáng kể. Với sự phát triển của cơ sở hạ

tăng mạng và viễn thông, người dùng Internet tại Việt Nam có thể trải nghiệm tốc độ kết nối nhanh chóng và ổn định hơn bao giờ hết. Tốc độ kết nối ngày càng được cải thiện. Các nhà cung cấp dịch vụ Internet đang đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng mạng để cung cấp tốc độ cao và ổn định hơn cho người dùng. Điều này giúp người dùng đặc biệt là sinh viên tại các trường ĐH có trải nghiệm mạng Internet mượt mà, không bị gián đoạn và thời gian tải trang nhanh chóng hơn.

- *Thứ hai*, Theo Bộ thông tin và truyền thông, năm 2022 có 80% sinh viên sử dụng internet thường xuyên, trong đó smartphone và laptop là thiết bị truy cập chính [9]. Vào năm 2023 tỷ lệ sinh viên ĐH sở hữu smartphone hoặc laptop tại Việt Nam ngày càng cao, chiếm hơn 65% theo khảo sát của Q&Me [10]. Từ hai kết quả khảo sát trên, có thể khẳng định rằng phần lớn các bạn sinh viên ĐH đều sở hữu smartphone hoặc laptop và đều có thể kết nối được với Internet. Và đó cũng đủ các điều kiện cơ bản để ứng dụng mô hình BL vào trong giáo dục tại các trường ĐH tại Việt Nam.

Để có thể triển khai trọn vẹn mô hình BL thì ta cần lưu ý tới một số khía cạnh về hạ tầng: thứ nhất là cơ sở vật chất và thiết bị việc triển khai các hoạt động này trên lớp theo mô hình này đòi hỏi các lớp học hiện đại hơn, cơ sở vật chất hiện đại được cho là cơ sở quan trọng trong việc chuyển dần các hoạt động học tập truyền thống sang các học tập hiện đại hơn; thứ hai là đội ngũ vận hành, đây là một phần vô cùng quan trọng để có thể triển khai các chương trình học tập theo mô hình học tập kết hợp, nhờ có đội ngũ này thì mới có thể vận hành được hết các hoạt động như: quản lý lớp, xây dựng thời khóa biểu, chăm sóc sinh viên..., các cán bộ quản lý là cầu nối giữa sinh viên và giảng viên. Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật chỉ là điều kiện cần để triển khai chương trình còn nguồn nhân lực là điều kiện đủ để triển khai chương trình một cách hiệu quả.

2.3. Thực trạng ứng dụng BL trong giáo dục ĐH hiện nay

2.3.1. Đánh giá mô hình:

Đối với sinh viên: Mô hình BL kết hợp nhiều yêu cầu trong học tập tại nhiều không gian khác nhau như: ở lớp học, học qua internet và cả việc tự học ở nhà. Mỗi sinh viên buộc phải có tính tự chủ và tính tích cực cao để hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ học tập được giao. Nếu không hoàn thành theo đúng hạn thì hệ thống quản lý trực tuyến sẽ đánh giá không đạt theo đúng quy trình

đã được thiết lập trước đó. Bài tập của sinh viên có thể được chia sẻ hoàn toàn công khai hoặc chỉ có mình giảng viên thấy được. Khi bài tập được chia sẻ công khai thì các sinh viên cùng lớp có thể thực hiện các hoạt động như: đánh giá đồng đẳng hay học hỏi lẫn nhau... Trong hệ thống học tập, các bài giảng cùng với tài liệu đều được đăng tải sẵn lên. Học viên cần phải làm đầy đủ các nhiệm vụ của bài khóa trước thì mới có thể mở tiếp bài khóa tiếp theo để học. Thông qua mô hình này sinh viên có thể nâng cao một số kỹ năng mềm như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng hợp tác, kỹ năng quản lý thời gian.... Khi tham gia học mô hình BL sinh viên phải đọc và xem trước các tài liệu cùng với bài giảng ở nhà, khi tới lớp học sẽ tham gia thảo luận về bài học qua các hình thức như: bài tập nhóm hay giảng viên sẽ giải đáp những vấn đề mà họ còn chưa hiểu hay thắc mắc. Khi gặp phải những khó khăn trong học tập họ sẽ nhận được sự hỗ trợ của giảng viên hay chính bạn bè của mình. Sinh viên tham gia mô hình học BL có thể sẽ cảm thấy có hứng thú học tập và tiếp thu kiến thức nhanh hơn so với mô hình học tập truyền thống trước đó. Điều này có thể lý giải rằng: do các hoạt động của BL thường đa dạng, kích thích sinh viên phải tự suy nghĩ, tự mày mò và sinh viên là trung tâm nên nhu cầu và đặc điểm của họ được quan tâm nhiều hơn.

2.3.2. Thực trạng ứng dụng BL ở bậc ĐH trên thế giới:

Dựa vào một số tiêu chí cơ bản dưới đây để đánh giá hiệu quả thực tiễn của mô hình BL tại các trường ĐH: mức độ giảng dạy, thời gian, vai trò của người học, vai trò của người hướng dẫn, các công cụ hỗ trợ người học.

Việc áp dụng mô hình BL trong dạy học được triển khai từ rất lâu:

- Tại Hoa Kỳ, 80% các trường ĐH ứng dụng phương pháp BL trong đào tạo. Có 93% các chương trình đào tạo tiến sĩ và 89% các chương trình đào tạo thạc sĩ ở Mỹ đào tạo bằng phương pháp này (Arabasz and Baker, 2003)

- Trường ĐH New Mexico đã thiết kế lại môn “Tâm lý học” cho 2250 sinh viên của họ bằng việc áp dụng mô hình BL. Theo đó tỷ lệ rớt môn giảm xuống 42%, các sinh viên đạt điểm C trở lên cũng tăng từ 60% lên 71% nhờ phương pháp học tập này (Whitelook, 2004)

- Trường Brigham Young đã sử dụng phương pháp BL cho 3400 sinh viên năm nhất cho khoa học viết báo. Các giờ học thi điểm ban đầu cho

thấy các bài viết của sinh viên học theo mô hình này có chất lượng hơn rất nhiều các bài báo của sinh viên học đơn thuần theo hình thức học truyền thống. Nó còn tiết kiệm đến 41% chi phí giảng dạy cho nhà trường (Whitelook, 2004).

- Trong cuộc khảo dành cho sinh viên Hồng Kông (2005), 49% trong số các sinh viên được khảo sát thích phương pháp học BL. 42% lựa chọn phương pháp học truyền thống, hỗ trợ E-Learning (Lee và Chang, 2006).

2.4. Lợi ích của hình thức BL:

2.4.1. Những lợi ích chung:

Ta có thể thấy những lợi ích to lớn của mô hình học tập kết hợp này, từ nhiều góc độ:

- *Đối với sinh viên*, việc áp dụng mô hình học tập kết hợp đầu tiên là tạo dựng một môi trường tích cực và chủ động thông qua sự tương tác. Tương tác giữa sinh viên - sinh viên để học hỏi lẫn nhau cùng nhau phát triển, sinh viên-giảng viên qua việc hướng dẫn cả ở trên lớp, qua mạng internet hay thậm chí cùng tương tác với các giáo sư, tiến sỹ, bất kỳ chuyên gia từ khắp nơi trên thế giới. Các chương trình học trực tuyến cho phép sinh viên được cá nhân hóa việc học tập của mình. Mỗi sinh viên có thể tiếp cận tài liệu và hoạt động học tập theo tốc độ phù hợp nhất so với năng lực cũng như trình độ nhận thức của bản thân. Điều này cho phép họ tận dụng sở thích, năng lực và phong cách học tập riêng để tối ưu hóa quá trình học thay vì chỉ ngồi nghe giảng như trong lớp học truyền thống, sinh viên có cơ hội tham gia vào các hoạt động như: thảo luận nhóm và thực hành thực tế thông qua các nền tảng học tập trực tuyến. Mô hình này mở ra một môi trường học tập sôi nổi, khuyến khích sinh viên tham gia tích cực vào quá trình học. Không chỉ thế BL cũng giúp người học trở nên chủ động hơn trong việc quản lý lộ trình học tập của mình. Thay vì chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào lịch trình giảng dạy từ giáo viên và trường ĐH, sinh viên có thể tự xây dựng lộ trình học tập linh hoạt dựa trên nhu cầu và mục tiêu cá nhân. Điều thứ hai phải nhắc tới là môi trường học tập thoải mái, tiện lợi hơn, có thể học bất cứ đâu miễn là thiết bị có kết nối với internet, mở ra một thế giới mới của sự tự do và lựa chọn đối với mọi sinh viên. Việc có thể học bất cứ đâu mang lại một sự thoải mái và linh hoạt đáng kể trong việc quản lý thời gian và không gian học tập. Thay vì phải phụ thuộc vào lịch trình cố định của lớp học truyền

thống, sinh viên có thể tự do chọn lựa thời gian và địa điểm học tập, có thể học tại nhà, quán cà phê, thư viện, thậm chí là trên xe buýt hay ngay cả khi đang di chuyển. Điều này giúp sinh viên tận dụng tối đa thời gian rảnh rỗi của bản thân, nâng cao hiệu quả học tập và không bỏ lỡ bất kỳ cơ hội học hỏi nào. Không chỉ vậy, việc học bất cứ đâu còn giúp tiết kiệm được thời gian và chi phí di chuyển. Nếu như việc học truyền thống khiến sinh viên phải mất nhiều thời gian và công sức vào việc đi lại giữa nhà và trường học, thì khi áp dụng mô hình BL họ có thể dành thời gian đó cho việc học và nâng cao kỹ năng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những sinh viên có lịch trình bận rộn hoặc phải làm việc bán thời gian, giúp họ có thể cân bằng giữa công việc và học tập một cách hiệu quả. Thứ ba, mô hình này còn cải thiện một số kỹ năng mềm cho sinh viên: tự tìm kiếm thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, ... Về kỹ năng làm việc nhóm, BL thường xuyên sử dụng các hoạt động học tập nhóm, khuyến khích sinh viên hợp tác, chia sẻ ý tưởng, thảo luận và giải quyết vấn đề cùng nhau, qua quá trình này, họ học được cách làm việc hiệu quả trong môi trường đa dạng và đa văn hóa, từ việc phối hợp công việc đến việc giải quyết xung đột và đưa ra quyết định nhóm. Đối với việc tự tìm kiếm thông tin, bởi vì sinh viên có thể tự chủ trong học tập nên bắt buộc họ phải chủ động tìm kiếm, tương tác và chọn lọc các nguồn thông tin mình tìm ra, thay vì chỉ phụ thuộc vào giáo trình hay các tài liệu mà giảng viên đã cung cấp sẵn, qua đó sinh viên học được cách đánh giá và sử dụng thông tin một cách chín chắn và hiệu quả. Một trong số kỹ năng khá quan trọng mà sinh viên được phát triển đó là: kỹ năng quản lý thời gian và sắp xếp công việc, họ phải có tính tự giác và tinh thần trách nhiệm cao trong việc quản lý thời gian và sắp xếp công việc, bởi không chỉ phải hoàn thành các bài tập và nhiệm vụ được giao mà còn cần tham gia vào các hoạt động học tập trực tuyến và tự học để nắm vững kiến thức, đây trở thành điều cần thiết để có thể tự điều chỉnh lịch trình học tập một cách hợp lý và hiệu quả. Rèn luyện kỹ năng này giúp sinh viên duy trì được tính kỷ luật và sự tập trung trong quá trình học tập và còn phát triển khả năng ưu tiên công việc bằng cách tự xác định mức độ ưu tiên và quan trọng của từng công việc, sinh viên có thể phân bổ thời gian một cách thông minh và hiệu quả, tránh được việc lãng phí thời

gian vào các hoạt động không cần thiết. Điều này giúp duy trì được sự cân bằng giữa học tập, công việc và đời sống cá nhân, từ đó đạt được hiệu suất cao trong mọi lĩnh vực. Có thể thấy, BL là 1 mô hình giáo dục hữu ích, cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để bước chân vào thị trường lao động đầy khắc nghiệt và cạnh tranh như hiện nay.

- *Đối với giảng viên*, BL giúp giảng viên sáng tạo và chủ động hơn trong quá trình giảng dạy. Giảng viên phải tùy chỉnh thiết kế giáo án dựa trên nhu cầu học tập của sinh viên như: phong cách, sở thích, khả năng học tập và đặc biệt mô hình học tập này yêu cầu rất cao về kiến thức chuyên môn nên cũng là cơ hội và cũng là thử thách cho các nhà giáo của nền giáo dục Việt Nam. Chính vì thế, những chương trình giảng dạy này sẽ là những sản phẩm tốt nhất phục vụ cho nhu cầu học tập của mỗi sinh viên.

- *Đối với các nhà trường*, chi phí cho các trang thiết bị, cơ sở vật chất, hệ thống giảng đường là một khoản chi phí không hề nhỏ trong các trường ĐH. Nếu áp dụng mô hình học tập kết hợp thì nhu cầu đối với phòng học truyền thống sẽ giảm đi đáng kể và chi phí để đầu tư cũng sẽ giảm theo.

- *Đối với xã hội*, Đảng và nhà nước ta vẫn luôn hướng tới và xây dựng một xã hội học tập mà cơ hội học tập đến với tất cả mọi người, bất kỳ lúc nào. Học không phải chỉ để lấy một cái bằng, lấy cái danh mà trước hết học là để hội nhập, để hiểu nhau, để biết phân biệt trái phải sai đúng. Vì những hạn chế của lớp học truyền thống nên chỉ những ai vượt qua kỳ thi và cần có đủ thời gian và tài chính mới có thể bước chân vào giảng đường ĐH. Với BL và tương lai là E-Learning thì có cơ hội học tập đã có thể mở ra với hầu hết mọi người, khi mà họ chỉ cần ngôi nhà, với kết nối Internet trên điện thoại... là đã có thể nghe được bài giảng của những giáo sư hàng đầu ở những phương trời rất xa.

2.4.2. Kết quả khảo sát về lợi ích của BL đối với sinh viên tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Trong đề cương của học phần Khởi nghiệp, các GV đã xác định rõ:

- Các hình thức học và tỷ lệ phần trăm:
 - Học trực tiếp: 30%
 - Học trực tuyến + hình thức khác: 70%

Hoạt động dạy - học		
<i>Trực tiếp</i>	<i>Trực tuyến</i>	<i>Hình thức khác</i>
30%	70%	

• Chương 1: TƯ DUY KHỞI NGHIỆP:

- Hoạt động của giảng viên và sinh viên:

+ Giảng viên: sẽ chuẩn bị các file PPT/PDF, video, xây dựng chương trình và mời diễn giả

+ Sinh viên: sẽ xem video giới thiệu về học phần và các thức học tập trên LMS, làm khách mời và chuẩn bị các câu hỏi

- Hoạt động dạy-học:

+ Học trực tiếp: 1. Giới thiệu về môn học, các quy định trong lớp, cách thi/đánh giá, cách thức học tập; 2. Khảo sát đối tượng; 3. Giới thiệu về hệ sinh thái khởi nghiệp; 4. Giới thiệu về tư duy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; 5. Thực hành “Cây kỳ vọng”

+ Học trực tuyến: Sinh viên xem video giới thiệu về học phần và cách thức học tập trên LMS

+ Hình thức khác: Talk show: DESIGN YOUR LIFE

• Chương 2: HÀNH TRANG KHỞI NGHIỆP

- Hoạt động của giảng viên và sinh viên:

+ Giảng viên: sẽ chuẩn bị các file PPT/PDF, video, Bài test trắc nghiệm, Xây dựng chương trình và giám khảo khách mời, nhà đầu tư, doanh nhân, mời diễn giả, tổ chức Board game: Đường đua tài chính

+ Sinh viên: tự học trước ở nhà với video bài giảng điện tử và tài liệu tham khảo khác trên LMS; làm bài kiểm tra trên hệ thống LMS để lấy điểm

- Hoạt động dạy-học:

+ Học trực tiếp: 1. Thực trạng sở hữu trí tuệ ở nước ta; 2. Xây dựng nhãn hiệu và thương hiệu hướng ra thị trường quốc tế

+ Học trực tuyến: SV tự học trước ở nhà với video bài giảng điện tử và tài liệu tham khảo khác trên LMS; SV làm bài kiểm tra trên hệ thống LMS để lấy điểm bài kiểm tra đánh giá

thường xuyên

+ Hình thức khác: Mini game (cuộc thi OPEN CHALLENGES (với các giám khảo khách mời, nhà đầu tư, doanh nhân, mentor)

• Chương 3: KHỞI NGHIỆP TINH GỌN VÀ MÔ HÌNH KINH DOANH CANVAS

- Hoạt động của giảng viên và sinh viên:

+ Giảng viên: sẽ chuẩn bị các file PPT/PDF, video, xây dựng chương trình và mời diễn giả

+ Sinh viên: nghiên cứu video về case study viết bài thu hoạch nộp lên LMS để lấy điểm giữa học phần

- Hoạt động dạy-học:

+ Học trực tiếp: Thiết kế Tuyên bố giá trị, giá

trị cốt lõi văn hóa doanh nghiệp

+ Học trực tuyến: SV nghiên cứu video về case study viết bài thu hoạch nộp lên LMS để lấy điểm giữa học phần

+ Hình thức khác: Giao lưu cùng một start up thành công trong ngành Công nghệ thực phẩm.

Số liệu ở bảng 1 cho thấy, mức độ hài lòng của sinh viên khi được học theo mô hình BL đều có phần trăm hài lòng khá cao tại mức 4 và mức 5 và phần trăm ở cả ba mức (1),(2),(3) đều khá thấp. Đây cũng là kết quả đáng mừng đối với các giảng viên và sẽ là nguồn động lực để các trường ĐH hay các giảng viên áp dụng mô hình BL vào giảng dạy.

Bảng 1. Mức độ hài lòng của SV về chương trình học

Nội dung khảo sát	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Đề cương chi tiết, giáo trình, bài giảng, video và các tài liệu của học phần được cung cấp đầy đủ trên hệ thống LMS	4%	0%	2%	40%	54%
Các nhiệm vụ học tập trực tuyến và trực tiếp hỗ trợ cho nhau	4%	2%	10%	42%	42%
Phương pháp giảng dạy khoa học, phù hợp giúp SV dễ dàng tiếp thu	4%	0%	4%	46%	48%
SV được hỗ trợ, giải đáp thắc mắc trực tiếp trong giờ học và thông qua các diễn đàn, mạng xã hội, email, Teams..	4%	0%	4%	40%	52%
SV phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu	6%	0%	10%	36%	46%
Cơ sở hạ tầng công nghệ, phần mềm dễ sử dụng, thân thiện với người dùng	4%	0%	14%	50%	32%

III.KẾT LUẬN

BL là một hình thức giảng dạy đang ngày càng phổ biến ở các trường ĐH trong nước và trên toàn thế giới, nơi giảng viên có thể tổ chức linh hoạt các hoạt động học tập cả trên lớp và qua Internet. Xu hướng dạy và học theo mô hình trực tuyến là một xu thế tất yếu trong tương lai Do đó, Các bên liên quan, đặc biệt là lãnh đạo nhà trường, giảng viên và sinh viên, phải nhận thức được sự cần thiết của hình thức đào tạo này

và từ đó tích cực tham gia vào các hoạt động cụ thể phù hợp với vai trò của mình để triển khai và phát huy hiệu quả của học tập kết hợp. Để áp dụng thành công mô hình BL trong dạy học ngoài sự đầu tư từ nhà trường thì yếu tố chính vẫn là do bản thân người học đặc biệt là các sinh viên ở bậc ĐH, sinh viên cần phải thanh đổi nhận thức của bản thân, tìm ra phương pháp học phù hợp sao cho có thể phát huy hết tất cả các khả năng của mô hình học tập kết hợp-BL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cambridge Dictionary
- [2] Hornby A. S. (2010). *Oxford Advanced Learner's Dictionary*. London: Oxford university press
- [3] Alvarez S., Hoffman (Ed) (2005). *Blended Learning solutions*. Encyclopedia of Educational Technology.
- [4] Victoria L. Tinio (Nhóm công tác e-ASEAN LNDP-APDIP dịch) (2003). *Công nghệ thông tin và truyền thống (CT) trong giáo dục*. <http://www.unapcict.org/sites/default/files/2019-01/eprimer-edu-vietnamese-version.pdf>.
- [5] Đàm Quang Vinh, Nguyễn Thị Hải Yến (2017). *Xu hướng áp dụng mô hình Blended Learning trong đào tạo ĐH và khả năng triển khai tại trường ĐH Kinh tế quốc dân*. Kì yếu hội thảo khoa học quốc gia: Đào tạo trực tuyến trong thời kì cách mạng công nghiệp 4.0. Nxb ĐH Kinh tế Quốc dân.
- [6] Vũ Thái Giang, Nguyễn Hoài Nam (2019). *Đạy học kết hợp – Một hình thức phù hợp với dạy học ĐH ở Việt Nam thời đại kỹ nguyên số*. *HNUE journal of science*, 64 (1).
- [7] Đàm Quang Vinh (2017). *Phát triển hợp tác quốc tế trên mô hình Blended Learning trong đào tạo từ xa*. *Hội thảo khoa học quốc tế “Chất lượng và hiệu quả của các chương trình liên kết đào tạo quốc tế, 10/11/2017* .
- [8] N. D. Nguyen and T. T. Nguyen (2020). *Blended Learning pplication in citizen education teachers training activities*. *Vietnam Journal of Education*, No. special period 1, May 2020. p. 216-220.